

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 88/2001/
NĐ-CP ngày 22/11/2001 về thực
hiện phổ cập giáo dục trung học
cơ sở.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2000/QH10 ngày 09 tháng 12 năm 2000 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 8 về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị định này quy định và hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Giáo dục và Nghị quyết của Quốc hội về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2010; xác định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, nhà trường và cơ sở giáo dục khác, gia đình, tổ chức và cá nhân trong việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 2. Đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở là thanh niên, thiếu niên Việt Nam trong độ tuổi từ

11 đến hết 18, đã tốt nghiệp tiểu học, chưa tốt nghiệp trung học cơ sở.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Những từ ngữ dưới đây dùng trong Nghị định này được hiểu như sau:

1. *Độ tuổi phổ cập giáo dục trung học cơ sở* là từ 11 tuổi đến hết 18 tuổi.

2. *Người đạt trình độ trung học cơ sở* là người được cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo quy định tại Điều 27 của Luật Giáo dục.

3. *Nơi cư trú* là nơi học sinh có đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc là nơi học sinh đã đăng ký tạm trú và sống thường xuyên tại đó từ 6 tháng trở lên.

4. *Trường trung học cơ sở công lập tại nơi cư trú của học sinh* là trường trung học cơ sở công lập ở trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi học sinh cư trú.

5. *Địa bàn phụ trách của một trường trung học cơ sở công lập* là khu vực dân cư nơi nhà trường chịu trách nhiệm tuyển sinh theo quy định của cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp.

6. *Xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn* là những xã thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa được Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 4. Mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở là bảo đảm cho hầu hết thanh niên, thiếu niên sau khi tốt nghiệp tiểu học tiếp tục học tập để đạt trình độ trung học cơ sở trước khi hết tuổi 18, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Điều 5. Chương trình giáo dục, phương thức giáo dục.

1. Chương trình giáo dục được áp dụng để thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở là chương trình trung học cơ sở hoặc chương trình bổ túc trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Phương thức giáo dục được áp dụng để thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở là phương thức giáo dục chính quy hoặc phương thức giáo dục không chính quy.

3. Việc áp dụng chương trình trung học cơ sở theo phương thức giáo dục chính quy và chương trình bổ túc trung học cơ sở theo phương thức giáo dục không chính quy tại các cơ sở giáo dục được quy định tại Điều 10 của Nghị định này.

Điều 6. Đầu tư cho phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở là một mục tiêu thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo, được đầu tư từ ngân sách nhà nước.

2. Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục trung học cơ sở; khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức quốc tế, Chính phủ các nước, người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia vào việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐỐI TƯỢNG PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ học tập của đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

1. Học tập để đạt trình độ trung học cơ sở là quyền và nghĩa vụ của tất cả các đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

2. Đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở được học tại các trường trung học cơ sở tại nơi cư trú theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở nếu vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không thể học chương trình trung học cơ sở theo phương thức giáo dục chính quy thì có thể học chương trình bổ túc trung học cơ sở theo phương thức giáo dục không chính quy do trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, cơ sở giáo dục khác tổ chức.

Điều 8. Thu và miễn, giảm học phí, cấp sách giáo khoa và học phẩm đối với đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

1. Thu học phí đối với đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở, trừ các đối tượng thuộc diện được miễn theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp khác cho đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở thuộc diện sau:

a) Được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ;

b) Được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 36 và khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 43/2000/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ;

c) Học theo phương thức không chính quy vì hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Cấp sách giáo khoa và học phẩm cho đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở thuộc diện sau:

a) Học sinh ở các cơ sở giáo dục thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn;

b) Học sinh học chương trình bổ túc trung học cơ sở, theo phương thức không chính quy vì hoàn

cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 9. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở đối với thanh niên, thiếu niên Việt Nam ở nước ngoài và thanh niên, thiếu niên người nước ngoài đang sinh sống ở Việt Nam.

1. Thanh niên, thiếu niên Việt Nam thuộc đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống ở nước ngoài được cha, mẹ hoặc người giám hộ tạo điều kiện cần thiết và được Nhà nước giúp đỡ để thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

2. Thanh niên, thiếu niên là người nước ngoài đang sinh sống ở Việt Nam, đã tốt nghiệp tiểu học, có nguyện vọng học trung học cơ sở ở nhà trường Việt Nam được phép vào học tại trường trung học cơ sở nơi cư trú và được hưởng mọi quyền lợi như học sinh Việt Nam.

Chương III

NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI TRONG VIỆC THỰC HIỆN PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

Điều 10. Trách nhiệm của trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và các cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân.

1. Trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và các cơ sở giáo dục khác thuộc các loại hình công lập, bán công, dân lập, tư thục có trách nhiệm thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; phối hợp với chính quyền, gia đình, tổ chức và cá nhân vận động học sinh thuộc đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở đến trường; phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

2. Trường trung học cơ sở có trách nhiệm:

a) Thực hiện chương trình trung học cơ sở theo phương thức giáo dục chính quy, bảo đảm chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Tổ chức thực hiện chương trình bổ túc trung học cơ sở theo phương thức giáo dục không chính quy cho đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có điều kiện học tập theo phương thức chính quy, khi được cơ quan quản lý trực tiếp về giáo dục giao nhiệm vụ;

c) Tiếp nhận, tổ chức học tập cho các đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở cư trú thường xuyên trên địa bàn thuộc phạm vi trường phụ trách; có thể tiếp nhận thêm học sinh ngoài địa bàn phụ trách nhưng không vượt định mức về số học sinh/lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trung tâm giáo dục thường xuyên có trách nhiệm thực hiện chương trình bổ túc trung học cơ sở theo phương thức giáo dục không chính quy cho đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có điều kiện học tại các trường trung học cơ sở.

4. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ quy định ở các khoản 2 và 3 của Điều này.

5. Các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm tham gia vào việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn theo yêu cầu của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý trực tiếp.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền của cha, mẹ hoặc người giám hộ đối với đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Cha, mẹ hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha, mẹ) có những trách nhiệm và quyền sau đây:

1. Bảo đảm cho con hoặc trẻ em được giám hộ (sau đây gọi chung là con em) thuộc đối tượng phổ

cấp giáo dục trung học cơ sở học tập để đạt trình độ trung học cơ sở.

2. Tạo mọi điều kiện cho con em được học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường để phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể lực, thẩm mỹ nhằm đạt được mục tiêu giáo dục trung học cơ sở.

3. Đóng học phí cho con em theo quy định hiện hành, nếu thuộc diện phải đóng học phí.

4. Kết hợp với nhà trường và đoàn thể trong việc giáo dục con em, thực hiện sự phối hợp giáo dục phù hợp luật pháp; làm gương tốt cho con em trong đời sống gia đình và xã hội.

5. Góp ý kiến với nhà trường hoặc cơ quan quản lý giáo dục về việc thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

6. Tham gia các hoạt động của cha, mẹ do nhà trường hoặc cơ quan quản lý về giáo dục tổ chức nhằm thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức và công dân đối với việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm và có quyền tham gia thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục trung học cơ sở tùy theo khả năng, điều kiện của mình và theo quy định của pháp luật. Cụ thể là:

1. Vận động cha, mẹ bảo đảm cho con em trong độ tuổi phổ cập giáo dục trung học cơ sở học tập đạt trình độ trung học cơ sở.

2. Phối hợp với nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục giúp đỡ đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

3. Thực hiện và vận động các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đóng góp tiền của, công

sức cho nhà trường hoặc cơ quan quản lý giáo dục theo quy định của pháp luật để phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

4. Kiểm tra, giám sát cơ quan nhà nước, nhà trường, gia đình, tổ chức và cá nhân trong việc thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục trung học cơ sở; khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật đối với hành vi ngăn cản phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

5. Tuyên truyền vận động phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

Điều 13. Tài chính.

1. Các nguồn tài chính dùng để thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở bao gồm: Ngân sách nhà nước; học phí, tiền đóng góp xây dựng trường, lớp; các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật, trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ yếu.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), căn cứ vào khung học phí do Thủ tướng Chính phủ quy định để quy định mức thu học phí và việc sử dụng học phí trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

3. Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ vào nhu cầu phát triển giáo dục, tình hình kinh tế và khả năng đóng góp của nhân dân ở địa phương quy định mức đóng góp xây dựng trường, lớp trên cơ sở lấy ý kiến nhân dân và đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Điều 14. Giáo viên.

1. Giáo viên các trường trung học cơ sở, trung

tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và các cơ sở giáo dục khác tham gia giảng dạy tại các lớp phổ cập trung học cơ sở nếu chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 67 của Luật Giáo dục thì có trách nhiệm học tập và được cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp tạo điều kiện học tập.

2. Giáo viên khi tham gia giảng dạy tại các lớp bổ túc giáo dục trung học cơ sở dành cho đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có điều kiện học tập theo phương thức chính quy được hưởng thù lao theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 15. Cơ sở vật chất kỹ thuật.

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm ban hành tiêu chuẩn về cơ sở vật chất kỹ thuật của trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện.

2. Các địa phương phải bảo đảm để các trường trung học cơ sở có đủ các điều kiện về phòng học, phòng thí nghiệm, phòng hoặc bãi tập luyện thể dục - thể thao, thư viện, sân chơi theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; tạo điều kiện để các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị cần thiết nhằm tổ chức các hoạt động giáo dục không chính quy, giáo dục kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp.

Điều 16. Chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

1. Các cơ sở giáo dục ngoài công lập, khi tiến hành các hoạt động thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở, được ưu tiên hưởng các chính sách khuyến khích về cơ sở vật chất, đất đai, về thuế, phí, lệ phí và về tín dụng quy định trong Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ về chính sách khuyến

khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

2. Các cơ sở giáo dục ngoài công lập khi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, cấp sách giáo khoa và học phẩm theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này được Nhà nước hỗ trợ ngân sách theo quy định của Bộ Tài chính.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

1. Chỉ đạo thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền nhằm bảo đảm điều kiện, chất lượng và tiến độ thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

2. Quy định mục tiêu, chương trình giáo dục, bảo đảm tính thống nhất về chuẩn trình độ giáo dục; đồng thời có giải pháp và phương án vận dụng chương trình giáo dục để phù hợp điều kiện và hoàn cảnh học tập của học sinh; phối hợp với các cơ quan có liên quan quy định việc tổ chức biên soạn, duyệt, in, phát hành và sử dụng sách giáo khoa trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ; về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý; về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

4. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phục vụ sự nghiệp

giáo dục nói chung và phổ cập giáo dục trung học cơ sở nói riêng.

5. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, thanh tra các địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp dưới trong việc thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục trung học cơ sở; kịp thời phát hiện và đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn trong việc thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục trung học cơ sở; hằng năm báo cáo tình hình và kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở với Thủ tướng Chính phủ.

6. Đề nghị Nhà nước khen thưởng các cá nhân, tổ chức, địa phương có thành tích trong sự nghiệp phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

1. Tổng hợp kế hoạch, cân đối nguồn lực, bảo đảm tiến độ thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

2. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các địa phương xây dựng quy hoạch mạng lưới trường học và thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp trường học phục vụ nhu cầu phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

3. Ưu tiên sử dụng vốn ODA trong giai đoạn 2001 - 2010 để thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 19. Trách nhiệm của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo đổi mới quy định về tuyển dụng giáo viên vào biên chế phù hợp với tinh thần cải cách bộ máy hành chính và điều kiện, hoàn cảnh thực tế; giao chỉ tiêu biên chế cho ngành giáo dục bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, phù hợp với việc triển khai nhiệm vụ từng năm học; chỉ đạo, hướng dẫn củng cố, tăng cường bộ máy quản lý giáo dục ở cấp tỉnh và cấp huyện.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

1. Hoàn thiện chính sách tài chính, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài chính của tổ chức hoặc cá nhân trong quản lý và sử dụng nguồn tài chính được huy động thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; ưu tiên dành ngân sách nhà nước đầu tư cho sự nghiệp phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

2. Ban hành các định mức chi ngân sách nhà nước cho giáo dục học sinh trung học cơ sở theo phương thức chính quy, không chính quy; bảo đảm phân bổ và cấp phát ngân sách kịp thời để thực hiện mục tiêu phổ cập trung học cơ sở.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ xây dựng chính sách cho giáo viên, học sinh và cho cơ sở giáo dục ngoài công lập trong sự nghiệp phổ cập giáo dục trung học cơ sở đối với các trường hợp quy định tại Điều 8, Điều 14 và Điều 16 của Nghị định này.

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam xây dựng chính sách hỗ trợ, giúp đỡ các trẻ em là con liệt sĩ, con thương binh nặng, trẻ em tàn tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em thuộc diện hộ đói nghèo thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

2. Củng cố, tăng cường, phát triển các cơ sở dạy nghề, phối hợp giáo dục nghề nghiệp cho học sinh trung học cơ sở, thu hút một phần học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở để đào tạo thành những người lao động có kỹ năng nghề nghiệp.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Y tế, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ủy ban Thể dục Thể thao:

Bộ Y tế, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ủy ban Thể dục Thể thao có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo bảo

đảm các yêu cầu về y tế học đường, giáo dục môi trường và giáo dục thể chất của các trường trung học cơ sở.

Điều 23. Trách nhiệm của các Bộ, ngành khác:

Các Bộ, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tham gia thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

1. Xây dựng và cân đối ngân sách địa phương, khai thác và huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trung học cơ sở của địa phương, thể hiện bằng các chỉ tiêu cụ thể trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, 5 năm và 10 năm của địa phương.

2. Thực hiện sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) trong việc thực hiện các chính sách về phổ cập giáo dục trung học cơ sở; bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở địa phương.

3. Đầu tư và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tiến hành xây dựng, nâng cấp trường, lớp; mua sắm trang thiết bị cho các trường trung học cơ sở công lập, bán công; kiểm tra các trường trung học cơ sở dân lập, tư thục thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật nhà trường.

4. Xây dựng kế hoạch biên chế giáo viên trên địa bàn làm căn cứ để Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ giao chỉ tiêu; tổ chức tuyển dụng giáo viên đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên.

5. Hằng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo

về tình hình thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

1. Quản lý các trường tiểu học và trung học cơ sở thuộc mọi loại hình cơ sở giáo dục trên địa bàn; bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn.

2. Thực hiện các quy định về sử dụng ngân sách chi cho giáo dục trong đó có phần dành cho việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; bảo đảm các điều kiện về tổ chức, nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất cho các trường tiểu học và trung học cơ sở công lập, bán công theo quy định của Nhà nước.

3. Bảo đảm việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh theo quy định của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi và có biện pháp cải thiện đời sống của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục bằng các chính sách đãi ngộ của địa phương.

4. Vận động các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia đóng góp cho sự nghiệp phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

1. Theo dõi việc học tập của đối tượng phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn; phối hợp với tổ chức đoàn thể xã hội trên địa bàn tuyên truyền, vận động, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi để các gia đình cho con em trong độ tuổi phổ cập giáo dục trung học cơ sở được đi học để đạt trình độ trung học cơ sở.

2. Phối hợp với trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tổ chức các hình thức học tập thích hợp giúp

đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có điều kiện học tập theo phương thức chính quy được học tập theo phương thức không chính quy để đạt trình độ trung học cơ sở.

3. Vận động nhân dân đóng góp tiền của, công sức xây dựng, tu tạo, bảo vệ các công trình giáo dục trên địa bàn; phối hợp với nhà trường và các đoàn thể xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh; giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục hoàn thành nhiệm vụ.

Chương VI

CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

Điều 27. Đơn vị được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Đơn vị được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở phải thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 24, Điều 25 và Điều 26 của Nghị định này tùy theo từng cấp và có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đối với cấp xã:

a) Duy trì, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học: số trẻ em 6 tuổi đi học lớp 1 đạt tỷ lệ từ 90% trở lên; có ít nhất 80% số trẻ em ở độ tuổi 11 đến 14 tốt nghiệp tiểu học, số trẻ em còn lại trong độ tuổi này đang học tiểu học;

Đối với vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, huy động số trẻ em 6 tuổi đi học lớp 1 đạt tỷ lệ từ 80% trở lên và có ít nhất 70% số trẻ em ở độ tuổi 11 đến 14 tốt nghiệp tiểu học, số trẻ em còn lại trong độ tuổi này đang học tiểu học;

b) Hằng năm, huy động số học sinh tốt nghiệp tiểu học vào trung học cơ sở đạt tỷ lệ từ 95% trở lên; ở những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn từ 80% trở lên;

c) Bảo đảm tỷ lệ thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở từ 80% trở lên; ở những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn từ 70% trở lên;

d) Hằng năm, bảo đảm tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở từ 90% trở lên; ở những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn từ 75% trở lên.

2. Đối với cấp huyện: ít nhất có 90% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

3. Đối với cấp tỉnh: có tất cả các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 28. Thẩm quyền công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở và trách nhiệm của đơn vị đạt chuẩn.

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở đối với cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở đối với cấp huyện.

Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở đối với cấp xã.

2. Thành phần tham gia kiểm tra ở từng cấp bao gồm đơn vị chủ trì được quy định tại khoản 1 Điều này và đại diện của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội cùng cấp.

3. Đối với những đơn vị đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm củng cố, duy trì, hoàn thiện kết quả thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; thực hiện chủ trương phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra việc duy trì kết quả phổ cập giáo dục trung

học cơ sở trên địa bàn, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chương VII

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích về phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp vào sự nghiệp phổ cập giáo dục trung học cơ sở được khen thưởng theo quy định của pháp luật về khen thưởng.

Điều 30. Xử lý vi phạm.

Người nào có hành vi gây khó khăn, cản trở việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Điều khoản thi hành.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 89/2001/NĐ-CP ngày 22/11/2001 về việc thành lập phường Phú Tài, Xuân An, Hàm Tiến, Phú Hải; đổi tên xã Hàm Tiến thuộc thành phố Phan Thiết và thành lập xã Đa Mi thuộc huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập phường Phú Tài, Xuân An, Hàm Tiến, Phú Hải; đổi tên xã Hàm Tiến thuộc thành phố Phan Thiết và thành lập xã thuộc huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận như sau:

1. Thành lập phường Phú Tài thuộc thành phố Phan Thiết trên cơ sở 285,43 ha diện tích tự nhiên và 6.676 nhân khẩu của xã Phong Năm.

Địa giới hành chính phường Phú Tài: Đông giáp các phường Phú Trinh, Đức Nghĩa, Lạc Đạo; Tây giáp xã Phong Năm, xã Tiến Lợi; Nam giáp xã Tiến Lợi và phường Đức Long; Bắc giáp xã Phong Năm và phường Xuân An.

2. Thành lập phường Xuân An thuộc thành phố Phan Thiết trên cơ sở 203,97 ha diện tích tự nhiên và 5.564 nhân khẩu của xã Phong Năm.

Địa giới hành chính phường Xuân An: Đông